

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS -ST

Ngày: 15-7-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Luân
Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Phan Tuấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2024/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 15/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn 4, Xã L, Huyện P. Nơi ở hiện nay: Thôn T 2, Xã B, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn T, Xã B, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ngô Thị Ngọc Th, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn T, Xã B, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn 4, Xã L, Huyện P. Nơi ở hiện nay: Thôn T 2, Xã B, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Xuân T trình bày:

Do chỗ quen biết, ngày 30/6/2023, vợ chồng ông Lê Văn V, bà Ngô Thị Ngọc Th có vay của ông số tiền 248.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu đồng), thời hạn vay 04 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng, hai bên thống nhất trả lãi hàng tháng. Việc vay tiền có ghi giấy vay ông V ký và lặn tay bên vay và đã nhận đủ tiền.

Sau khi vay, tới kỳ trả lãi thì vợ chồng ông V, bà Th không chịu trả lãi theo thỏa thuận. Ông đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả lãi nhưng ông V, bà Th không trả lãi và gốc. Nhận thấy vợ chồng ông V, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận của hai bên, làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của tôi bị xâm phạm. Do đó tôi khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện P yêu cầu giải quyết. Buộc ông Lê Văn V có nghĩa vụ liên đới cùng vợ bà Ngô Thị Ngọc Th trả cho ông số tiền nợ vay 248.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn ông Lê Văn V trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Ngọc Th trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Tr trình bày: Bà và ông Lê Xuân T là vợ chồng. Ông T có cho vợ chồng ông V, bà Th vay số tiền 248 triệu đồng thời hạn vay 04 tháng, trả lãi hàng tháng. Số tiền cho vay là của cá nhân ông T không liên quan đến bà. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà Th trả nợ vay và lãi, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, đồng thời cũng xin giải quyết vắng mặt trong vụ án.

- Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông V, bà Th có nghĩa vụ trả số nợ vay 248 triệu đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 10%/năm kể từ ngày vay đến nay.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng phát biểu ý kiến: (Có bài phát biểu riêng).

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T. Buộc ông V và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền gốc 248 triệu đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Xét thấy, đây là vụ kiện dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do ông Lê Xuân T thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Lê Văn V cư trú tại: Thôn T, Xã X, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Ngọc Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Tr vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt; Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

Bị đơn ông Lê Văn V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Ngọc Th không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân T, thấy rằng:

[2.1] Theo nội dung giấy vay tiền đề ngày 30/6/2023 giữa ông T với ông V thể hiện: Ngày 30/6/2023, ông V vay của ông T số tiền 248 triệu đồng, thời hạn vay 04 tháng, trả lãi hàng tháng, ông V đã nhận đủ số tiền vay nêu trên, giấy vay tiền có chữ ký và lãn tay của ông V ở bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T xác định sau khi vay ông V, bà Th không chịu trả lãi và gốc cho ông theo thỏa thuận nên yêu cầu buộc ông V, bà Th trả cho ông T số tiền nợ gốc 248 triệu đồng và tiền lãi theo quy định; bị đơn ông V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Th không có ý kiến trình bày gì đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn ông T. Như vậy, căn cứ giấy vay tiền ngày 30/6/2023 mà ông T cung cấp có đủ căn cứ xác định ông V có vay của ông T số tiền 248 triệu đồng, việc vay tiền này là trong thời kỳ hôn nhân với bà Th, cũng theo nội dung giấy vay tiền thì thời hạn vay 04 tháng, trả lãi hàng tháng nhưng ông V, bà Th không trả theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông V và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 248 triệu đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] *Về tiền lãi:* Nội dung giấy vay tiền ngày 30/6/2023 các bên có thỏa thuận trả lãi hàng tháng, nhưng không ghi lãi suất là bao nhiêu. Tại phiên tòa ông T xác định số tiền lãi do hai bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng (tương ứng với 36%/năm) nhưng không có chứng cứ chứng minh, đồng thời lãi suất ông T khai cũng vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông V, bà Th trả lãi theo quy định pháp luật 10%/năm kể từ ngày vay cho đến nay là tự nguyện, có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận, cụ thể số lãi ông V, bà Th có nghĩa vụ phải trả là: 248 triệu đồng x 10%/năm x 09 tháng 15 ngày (từ ngày 30/6/2023 đến ngày 15/4/2024) = 19.619.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Lê Văn V, bà Ngô Thị Ngọc Th có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn, cụ thể án phí là 13.380.000 đồng.

- Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 235, 266, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân T;

Buộc ông Lê Văn V liên đới cùng bà Ngô Thị Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho ông Lê Xuân T số tiền nợ vay 248.000.000 đồng, tiền lãi 19.619.000 đồng. Tổng cộng 267.619.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn V, bà Ngô Thị Ngọc Th có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí 13.380.000 đồng (*Bằng chữ: Mười ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho ông Lê Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.200.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016336 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THA huyện Phú Riềng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Đỗ Tấn Trường